TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2023/DS-ST
Ngày: 08 – 9 - 2023
V*/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trương Văn Săng
Ông Đặng Hoàng Mích
- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thái Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà:

Ông Phan Hoàng Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp: "*Hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên Tòa số: 86/2023/QĐST- DS ngày 24 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị Thu H, sinh năm: 1965 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện B, tỉnh T.
- *Bị đơn:* Nguyễn Thị Lsinh năm: 1969 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện B, tỉnh T.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Lê Văn C, sinh năm: 1967 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2023, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 04/7/2023, bản tự khai ngày 01/8/2023, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị Thu H trình bày:

Bà có trực tiếp tham gia chơi 02 phần trong dây hụi khui ngày 19/5/2019 (Ngày 15/4/2019 âm lịch), hụi có mệnh giá 2.000.000 đồng, hụi tháng, dây hụi có 30 phần do bà Nguyễn Thị L làm chủ. Dây hụi này bà đóng được 26 lần hụi sống số tiền là 104.000.000 đồng chưa hốt hụi thì bà L tuyên bố bể hụi tháng 6/2021. Việc chơi hụi các bên chỉ thỏa thuận miệng không có lập thành văn bản, hình thức

chơi hụi ai bỏ thăm cao thì được hốt, chủ hụi có hưởng huê hồng. Sau khi bể hụi bà L có trả dần cho bà được số tiền hụi là 11.100.000 đồng thì ngưng không trả đến nay. Quá trình chơi hụi chồng bà L là ông Lê Văn C có biết vì bà L làm chủ rất nhiều dây hụi, mục đích bà L chơi hụi là để trang trải cuộc sống gia đình. Hiện nay bà L và ông C còn nợ bà số tiền hụi chưa trả là 92.900.000 đồng, bà L có ký tên xác nhận nợ đề ngày 10/6/2023.

Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn C phải liên đới trả lại cho bà số tiền hụi là 92.900.000 đồng, không yêu cầu trả lãi suất.

Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bà Trần Thị Thu H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đối với bà L và ông C.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 01/8/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà thừa nhận bà có tổ chức rất nhiều dây hụi do bà làm chủ, bà Trần Thị Thu H là hụi viên có tham gia chơi hụi 02 phần trong dây hụi khui ngày 19/5/2019 (Ngày 15/4/2019 âm lịch), hụi có mệnh giá 2.000.000 đồng, hụi tháng, dây hụi có 30 phần. Bà H đã đóng hụi được 26 lần. Bà thừa nhận hiện nay bà còn nợ bà H số tiền hụi chưa trả là 92.900.000 đồng, bà có viết giấy, ký tên nhận nợ đề ngày 10/6/2023. Mục đích bà làm chủ hụi là hưởng hoa hồng trang trải cuộc sống và sinh hoạt trong gia đình, choàng hụi cho nhiều hụi viên không đóng hụi cho bà. Việc bà làm chủ hụi được 20 năm, chồng bà là ông Lê Văn C, có lúc bà có mướn ông C chồng bà đi góp tiền hụi dùm bà, chứ không có liên quan. Bà đồng ý trả số tiền nợ hụi 92.900.000 đồng cho bà H.

Bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 14/8/2023.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C vắng mặt nên không có lời khai.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Đối với Thẩm phán chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, bị đơn có chấp hành tốt theo Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Thu H. Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn C phải liên đới trả cho bà H số tiền hụi 92.900.000 đồng. Ghi nhận bà Hiền không yêu cầu trả lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị L là bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 14/8/2023 (Bút lục số 39), ông Lê Văn C người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng ông C vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L, ông C là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu H yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C phải liên đới trả số tiền nợ góp hụi 92.900.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án thể hiện tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 01/8/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị L hoàn toàn thừa nhận bà còn nợ bà H số tiền hụi chưa trả là 92.900.000 đồng, có viết giấy và ký tên nhận nợ đề ngày 10/6/2023 (Bút lục số 9, 15, 19), phù hợp với chứng cứ là giấy nợ đề ngày 10/6/2023 (Bút lục số 9) mà nguyên đơn bà H cung cấp nên Hội đồng xét xử công nhận, nguyên đơn bà H không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu bà L và ông C phải trả cho bà H số tiền nợ hụi là 92.900.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 15, 16, 17, 23, 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Bà Trần Thị Thu H không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nợ hụi nêu trên. Đây là sự tự nguyện của bà H nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xét đến.

[3] Bà Trần Thị Thu H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn C cùng liên đới trả số tiền nợ hụi 92.900.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Số tiền nợ hụi 92.900.000 đồng được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa bà L và ông C, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Lai số 101, ngày 11/01/1988 (Bút lục số 27), ông bà hiện nay còn chung sống, hôn nhân vẫn còn tồn tại, ông C không có ý kiến phản hồi số tiền nợ này. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bà khai mục đích bà làm chủ hụi là hưởng hoa hồng trang trải cuộc sống và sinh hoạt trong gia đình, ông C chồng bà L có lúc bà L có mướn ông C đi góp tiền hụi dùm bà L. Bà L khai ông C hoàn toàn không liên quan, không biết là không có căn cứ. Do đó, bà Hkhởi kiện yêu cầu vợ chồng bà L và ông C cùng liên đới trả tiền nợ hụi nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định pháp luật tại Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] **Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:**

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hiền được chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà L và ông C phải liên đới chịu án phí là:

92.900.000 đồng x 5% = 4.645.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 288, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 15, 16, 17, 24, 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu H đòi bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn C trả tiền nợ góp hụi.

2. Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Thu H số tiền nợ góp hụi là 92.900.000 đồng (Chín mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng).

3. Ghi nhận bà Trần Thị Thu H không yêu cầu trả lãi suất của số tiền hụi nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn C phải liên đới chịu 4.645.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Thu H 2.322.500 đồng (Hai triệu ba trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005069 ngày 30/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa Tòa cũng có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bến Tre;
-VKSND huyện Bình Đại;
-Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương